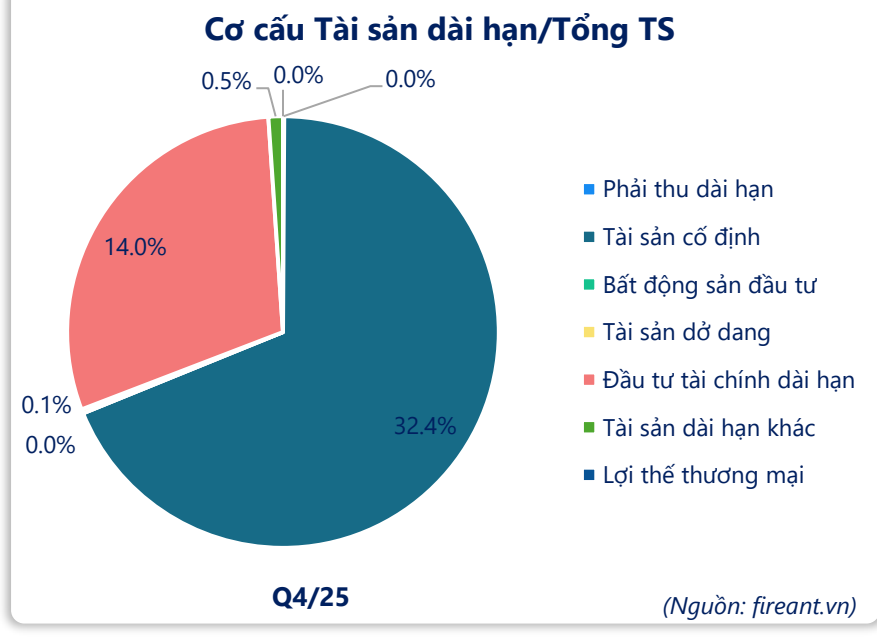
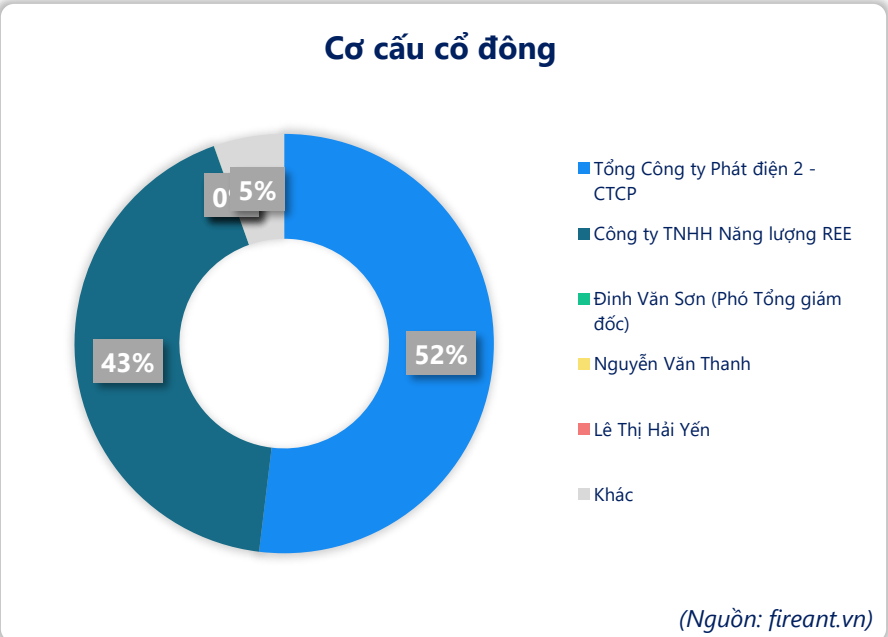
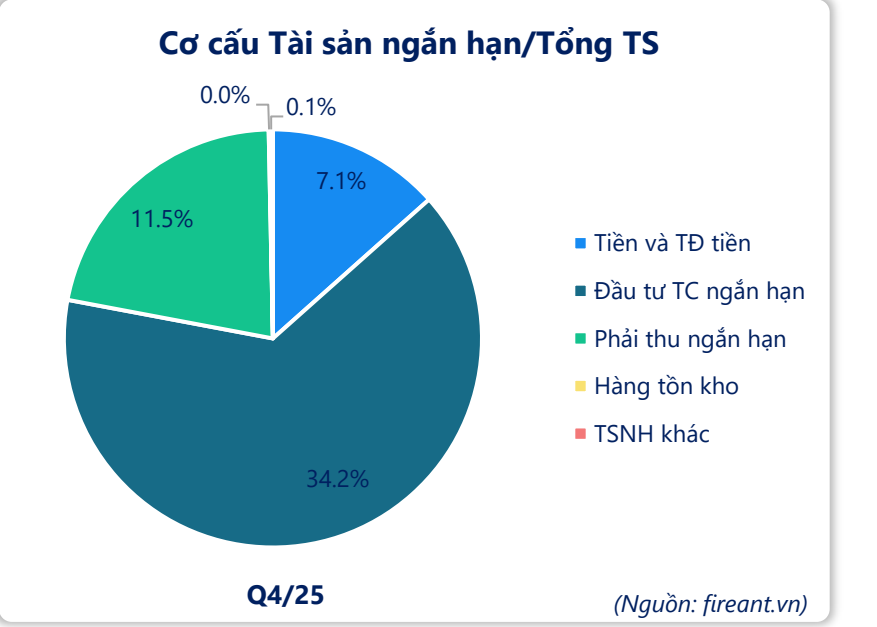
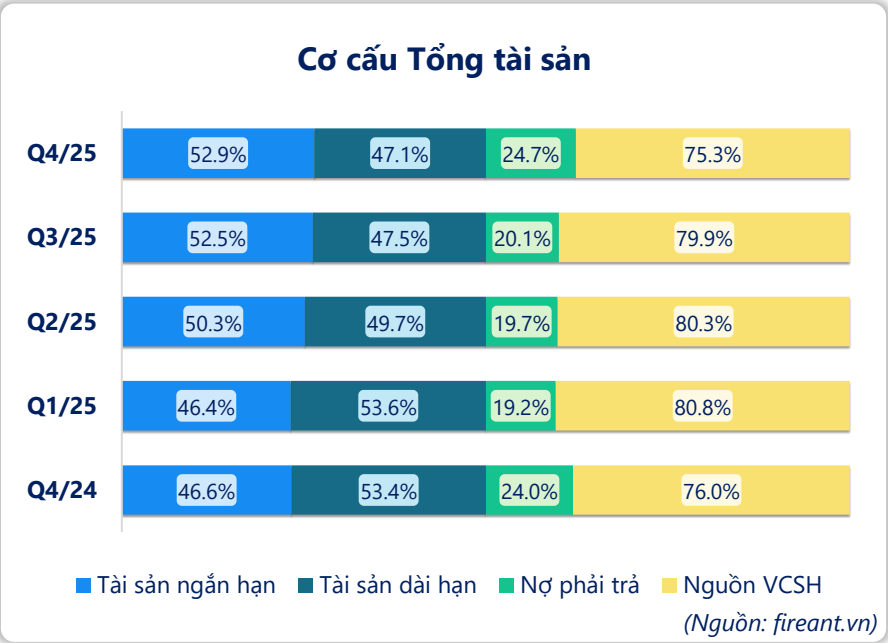
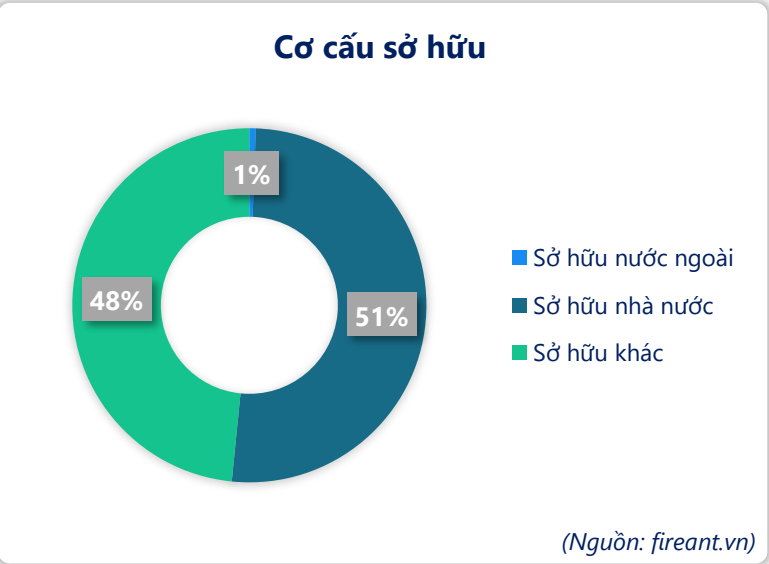
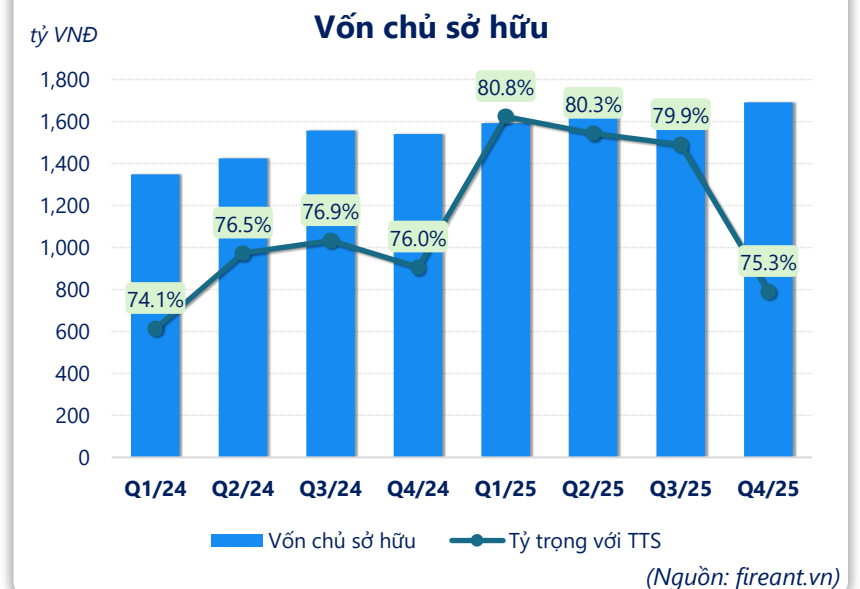
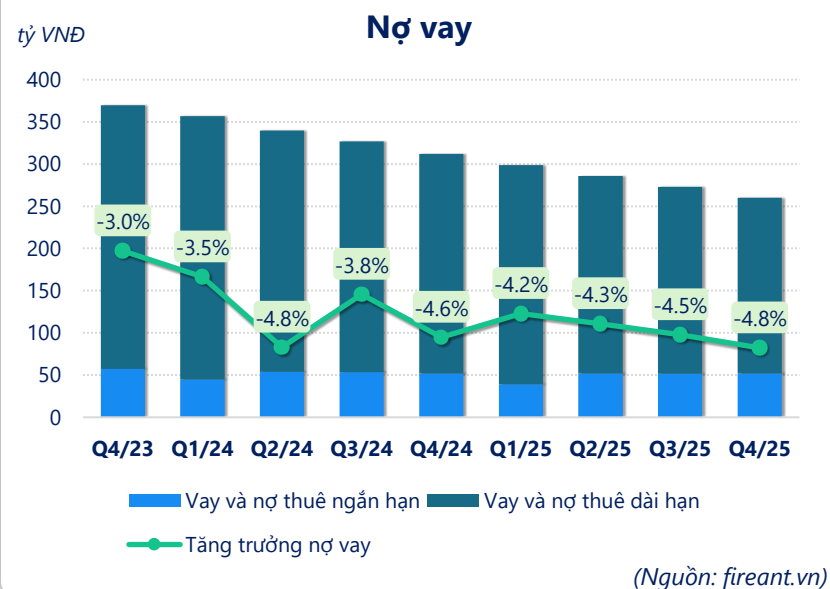
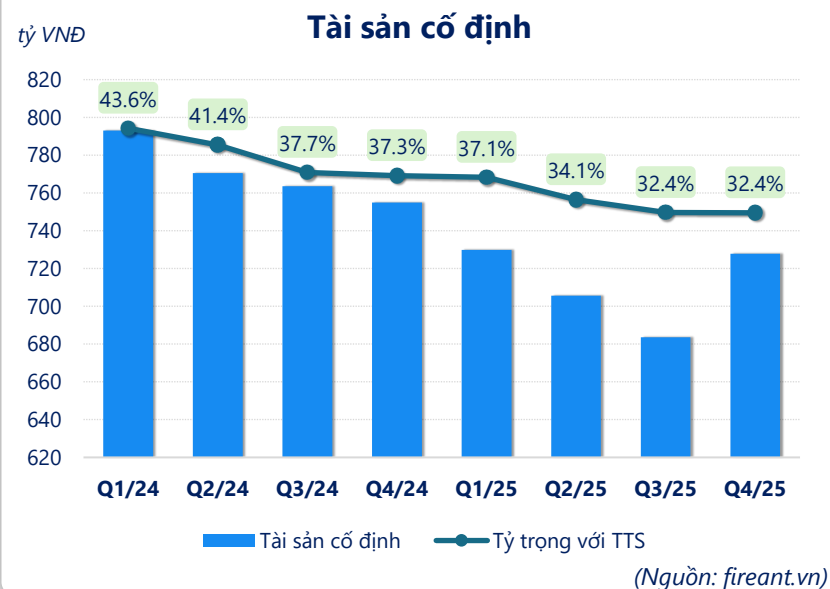
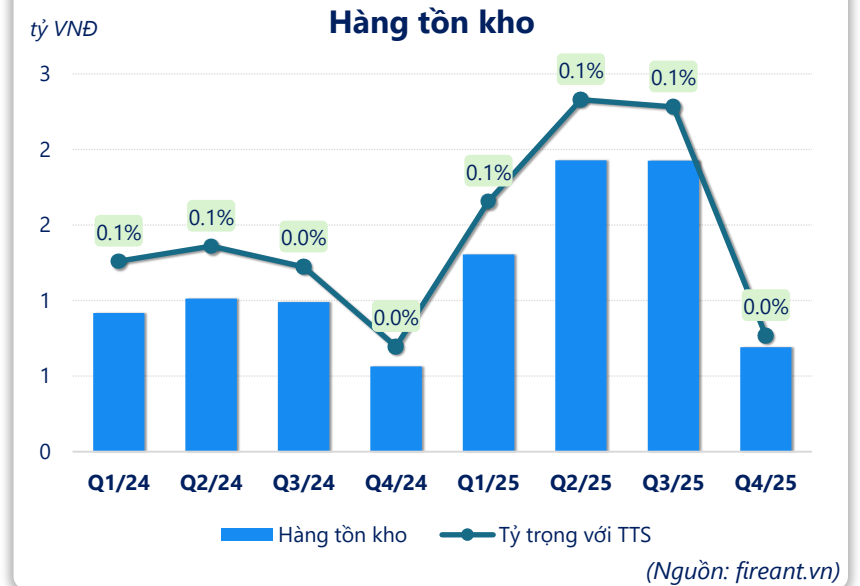
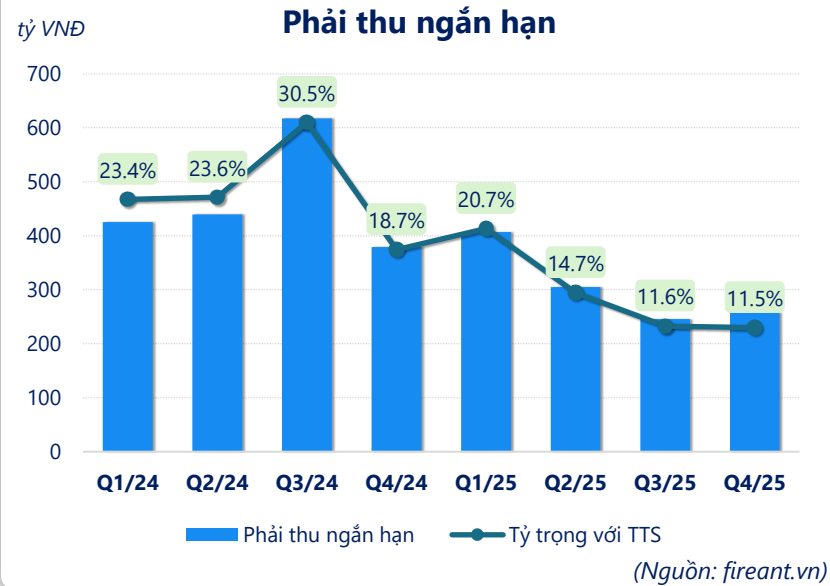
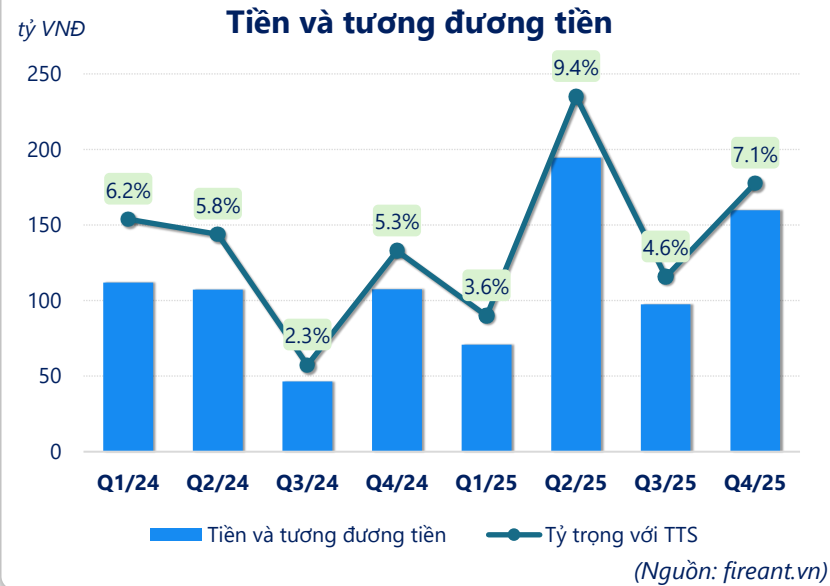
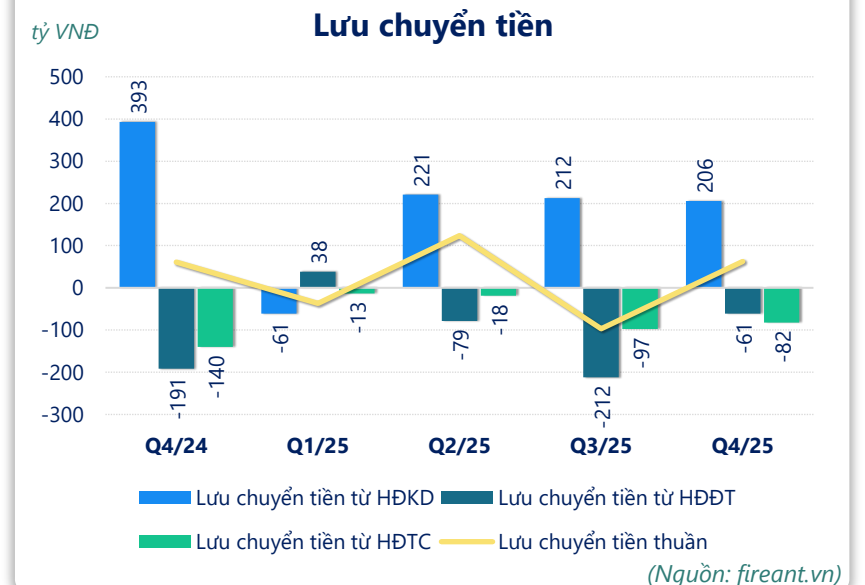
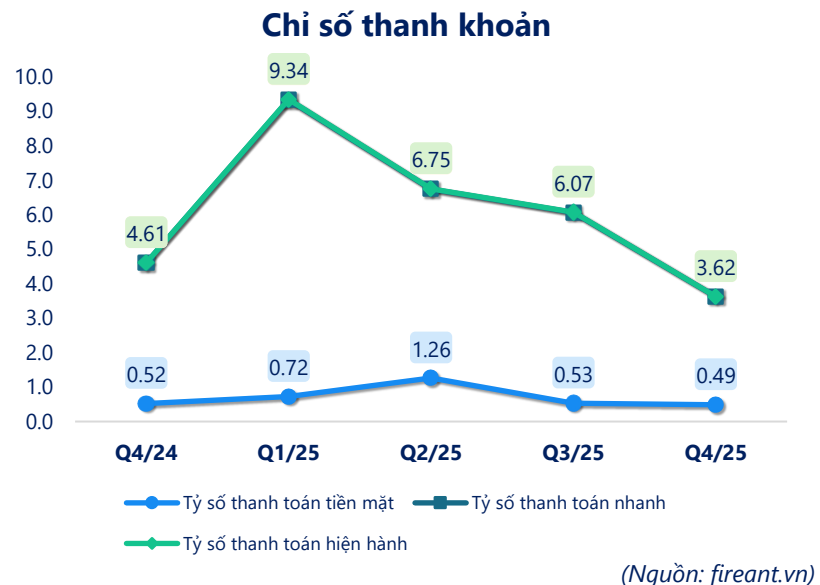
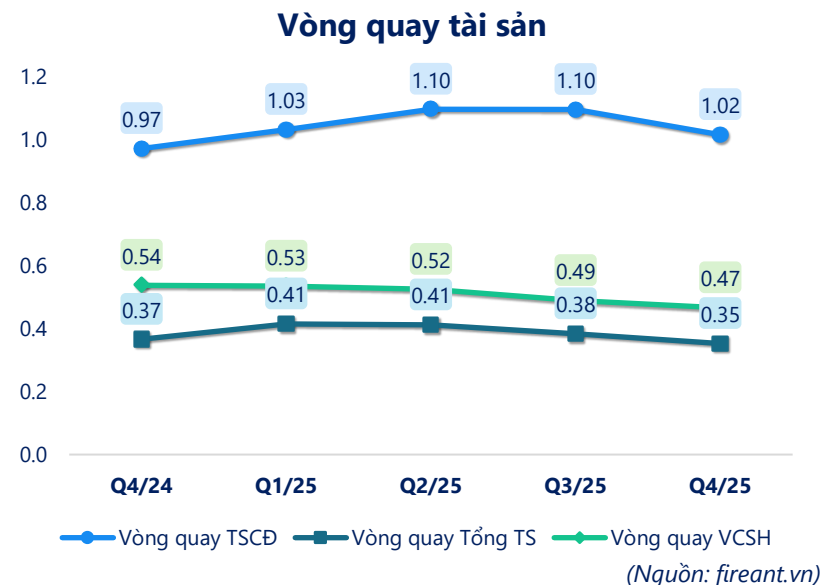
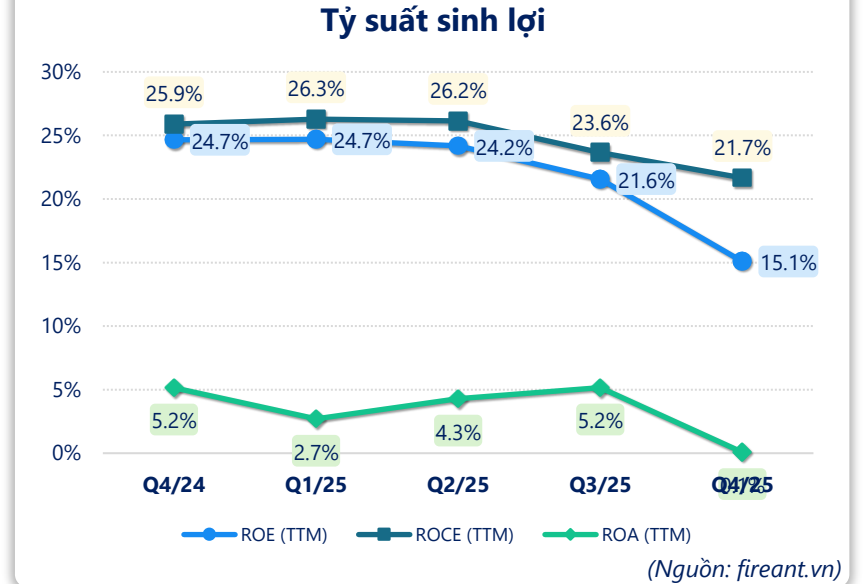
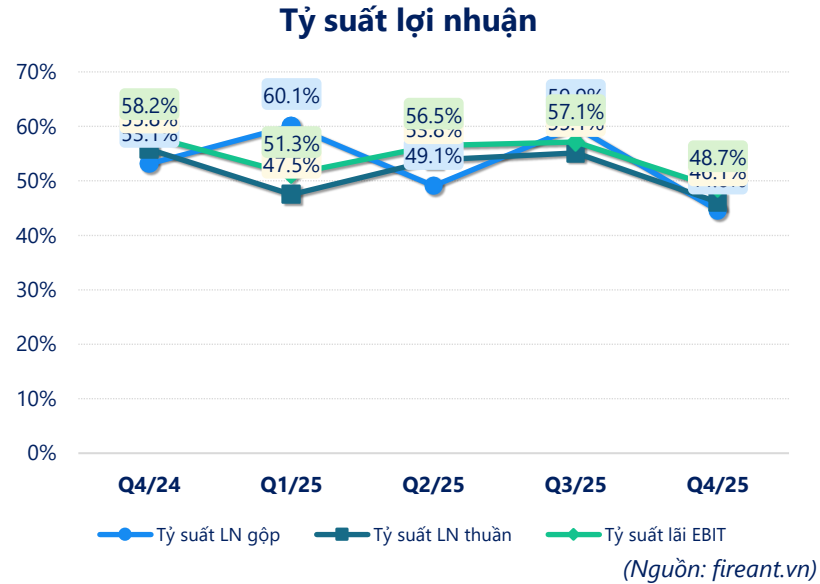
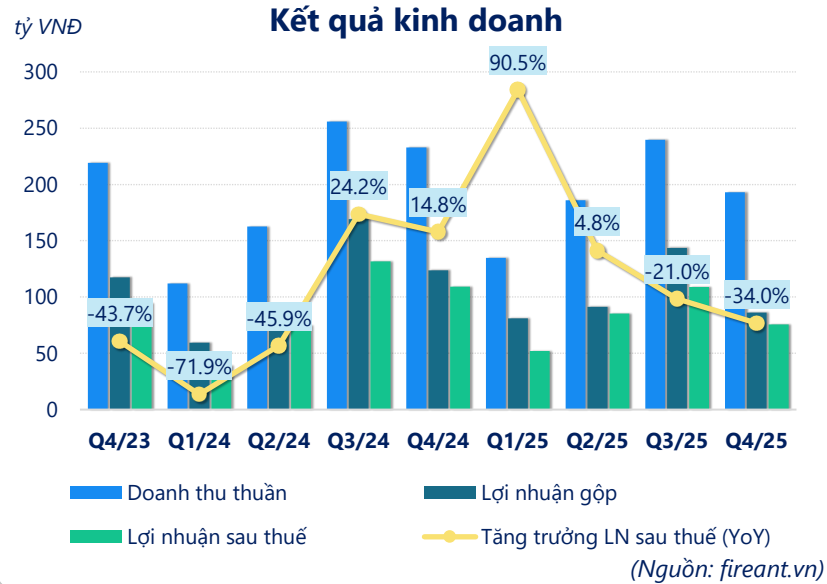


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		59,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		67,191
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		57,100
SL cổ phiếu LH		70,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		3,940
% sở hữu nước ngoài		0.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		4,179
P/E		17.1
EPS		3,481

	YTD	1T	3T	6T
TMP	-11.1%	-0.5%	-3.0%	-3.4%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,248	2,025	11.0%
Tài sản ngắn hạn	1,190	944	26.1%
Tiền và tương đương tiền	160	108	48.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	768	455	68.7%
Phải thu ngắn hạn	258	379	-31.8%
Hàng tồn kho	0.69	0.56	22.6%
Tài sản ngắn hạn khác	3.17	1.68	88.5%
Tài sản dài hạn	1,058	1,081	-2.1%
Phải thu dài hạn	0.96	0.90	6.7%
Tài sản cố định	728	755	-3.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	3.26	1.63	99.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	315	311	1.4%
Tài sản dài hạn khác	11.5	13.0	-12.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	556	485	14.6%
Nợ ngắn hạn	328	205	60.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	52.1	51.9	0.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	101	34.9	190%
Nợ dài hạn	228	280	-18.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	208	260	-20.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,692	1,540	9.9%
Vốn chủ sở hữu	1,692	1,540	9.9%
Vốn điều lệ	700	700	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	233	135	186	240	193
Giá vốn hàng bán	109	53.7	94.7	96.0	107
Lợi nhuận gộp	124	80.9	91.2	144	86.1
Doanh thu HĐTC	21.3	0.62	12.3	4.15	18.5
Chi phí TC	5.69	5.13	4.97	4.81	4.61
Chi phí lãi vay	5.69	5.13	4.97	4.81	4.61
LN trong công ty LKLD	10.3	0	18.8	4.86	10.7
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	19.8	12.5	17.3	15.6	21.7
LN thuần từ HĐKD	130	63.9	100	132	89.0
Lợi nhuận khác	0.05	0	0	0	0.41
LN trước thuế	130	63.9	100	132	89.4
Lợi nhuận sau thuế	109	52.1	85.4	109	75.7
LNST của CĐ cty mẹ	108	51.2	84.3	107	1.61

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	393	-61.3	221	212	206
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-191	38.1	-78.7	-212	-61.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-140	-13.5	-18.4	-97.3	-82.3
Tiền đầu kỳ	46.4	108	70.8	194	97.6
Lưu chuyển tiền thuần	61.1	-36.7	124	-96.9	62.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	108	70.8	194	97.6	160

(Nguồn: fireant.vn)